

Số: 3529/QĐ-UBND

Than Uyên, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đường nối QL32 (Km344+480) đi dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai 2013 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện Than Uyên về phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 09 dự án trên địa bàn huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 3883/QĐ-UBND ngày 31/10/2021 của UBND huyện Than Uyên về Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Đường nối từ QL32 (Km344+480) đi dự án chỉnh trang đô tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND huyện Than Uyên về Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đường nối QL32 (Km344+480) đi dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND huyện Than Uyên về phê duyệt điều chỉnh thời gian Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đường nối QL32 (Km344+480) đi dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Căn cứ Thông báo số 1879/TB-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện Than Uyên về thông báo thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đường nối từ QL32 (Km344+480) đi dự án chỉnh trang đô tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND huyện Than Uyên về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đường nối từ QL32 (Km344+480) đi dự án chỉnh trang đô tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 253/TTr-TN&MT ngày 17/10/2022 và Tờ trình số 419/TTr-TTPTQĐ ngày 06/10/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đường nối từ QL32 (Km344+480) đi dự án chỉnh trang đô tạo quỹ đất đấu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí phê duyệt: 170.121.776 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm bảy sáu đồng). Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	95.977.276 đồng
+ Bồi thường về đất:	8.173.440 đồng
+ Bồi thường về tài sản vật kiến trúc	34.140.436 đồng
+ Bồi thường về cây trồng vật nuôi:	20.579.400 đồng
+ Hỗ trợ:	33.084.000 đồng
- Chi phí tổ chức thực hiện (Theo kết quả thẩm định số 80/KQTD-TCKH ngày 19/9/2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)	74.144.500 đồng

(Có bảng tổng hợp phương án chi tiết kèm theo)

3. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí: Nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2022-2025.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng; Chủ tịch UBND thị trấn Than Uyên; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Lưu: VT, TNMT.

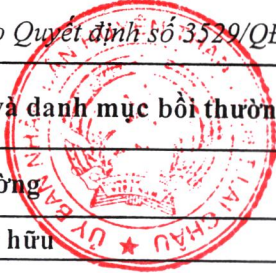
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thăng

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN:
Đường nối từ QL32 Km344+480 đi dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu giá, tái định cư
và phát triển kinh tế - xã hội khu 8, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên

(Kèm theo Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND huyện Than Uyên)



TT	Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường	HKTT	ĐVT	Số lượng	Đơn vị (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Tổng mức bồi thường					170.121.776
I	Chi trả cho chủ sở hữu					95.977.276
-	Đất					8.173.440
-	Tài sản, VKT					34.140.436
-	Cây trồng vật nuôi trên đất					20.579.400
-	Hỗ trợ					33.084.000
II	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường: Căn cứ Kết quả thẩm định số 80/KQTĐ-TCKH ngày 19/9/2022					74.144.500
B	Chi tiết bồi thường cho chủ sở hữu					
1	Trần Thị Thanh Thúy					29.357.356
	Đất	Khu 8				366.120
-	Đất bằng trồng cây hàng năm khác VT1 + Nguồn gốc: đã được cấp giấy CN QSD đất số BĐ 670835; đang sử dụng ổn định, không tranh chấp		m2	1,5	36.000	54.000
-	Bồi thường công cải tạo đất để tiếp tục sử dụng vào mục đích cũ các thửa đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án (bằng 30% giá trị thu hồi): Đất bằng trồng cây hàng năm khác VT1 + Nguồn gốc: đã được cấp giấy CN QSD đất số BĐ 670835; đang sử dụng ổn định, không tranh chấp		m2	28,9	10.800	312.120
b	Tài sản, VKT					27.071.836
-	Nhà bán mái xây gạch tường 110, lợp tôn, cao 3,2m, nền lát gạch các loại: 4,7x2,7m (Dg=704.000x90%)		m2	12,69	633.600	8.040.384
-	Cầu kiện sắt thép, cửa sắt xếp: 2,5x3,4m		m2	8,5	825.000	7.012.500
-	Tấm đan bê tông có cốt thép: (2,5x0,15x0,15m)x10 (cột bê tông)		m3	0,56	1.393.700	780.472
-	Tường rào xây gạch tường 110: 22x0,8m		m2	17,6	273.900	4.820.640
-	Chuồng gà xây lợp Fibro XM, lán nền VXM: 2x1,5m		m2	3	341.000	1.023.000
-	Chuồng gà khung gỗ, lán nền VXM ghép tre gỗ, lợp Fibro XM : (0,6x1m) x 4 cái		m2	2,4	178.200	427.680
-	Sân bê tông đá dày 10cm: 3x4m		m2	12	83.600	1.003.200
-	Tường rào lưới thép B40 thép phi 3,4: 22x1,8m		m2	39,6	100.100	3.963.960
c	Cây trồng vật nuôi trên đất					1.919.400
-	Cây bơ BKT 2-4m		cây	1	540.000	540.000
-	Cây lê BKT 1-2m		cây	1	360.000	360.000
-	Cây mít BKT 2-4m		cây	1	360.000	360.000
-	Cây hồng xiêm BKT 1-2m		cây	1	360.000	360.000
-	Rau màu gối vụ		m2	25	9.600	240.000
-	Thanh long mới trồng dưới 2 năm		cây	1	59.400	59.400
2	Nguyễn Ngọc Sỡn	khú 8				66.619.920
a	Đất					7.807.320
-	Đất trồng cây hàng năm khác VT1 + Nguồn gốc: Khai hoang, đang sử dụng ổn định, không tranh chấp		m2	175,5	36.000	6.318.000

TT	Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường	HKTT	ĐVT	Số lượng	Đơn vị (đồng)	Thành tiền (đồng)
-	Bồi thường công cải tạo đất để tiếp tục sử dụng vào mục đích cũ các thửa đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án (bằng 30% giá trị thu hồi): Đất bằng trồng cây hàng năm khác VT1 + Nguồn gốc: Khai hoang, đang sử dụng ổn định, không tranh chấp		m2	137,9	10.800	1.489.320
b	Tài sản, VKT					7.068.600
-	Kè xếp đá khan: 1,2x0,5x20m		m3	18,0	392.700	7.068.600
c	Cây trồng vật nuôi trên đất					18.660.000
-	Cây xoài BKT 1-2m		cây	10,0	360.000	3.600.000
-	Cây ăn quả trồng cành chiết ghép năm thứ 3: 13 xoài, 1 nhãn, 1 vải, 3 bưởi, 8 mít, 1 mận, 4 chanh, 12 đào		cây	43,0	204.000	8.772.000
-	Cây bưởi BKT 1 - 2m		cây	5,0	360.000	1.800.000
-	Cây bơ BKT 1 - 2m		cây	4,0	360.000	1.440.000
-	Cây mít BKT 1 - 2m		cây	2,0	204.000	408.000
-	Cây chuối chưa có buồng > 1,2m		cây	30,0	24.000	720.000
-	Cây chuối chưa có buồng < 1,2m		cây	16,0	18.000	288.000
-	Cây chuối có buồng (5 buồng)		kg	100,0	6.000	600.000
-	Hàng rào cây sống		m	20,0	7.200	144.000
-	Hàng rào cọc tre		m	20,0	6.000	120.000
-	Rau màu gói vụ		m2	80,0	9.600	768.000
d	Hỗ trợ					33.084.000
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất trồng cây hàng năm (Đg= 36.000x3)		m2	175,5	108.000	18.954.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất (Thu hồi 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: Mức hỗ trợ bằng = số nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 15.700 đồng/kg x 6 tháng)		khẩu	5,0	2.826.000	14.130.000